

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 15/9/2022

“V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và bà Nguyễn Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-DS ngày 22/3/2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 10/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 30/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Đỗ Tuấn A, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 60C, khu 4B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

1.2. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 18b, Khu 3, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc Th, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3.2. Anh Đỗ Công D, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3.3. Chị Đỗ Thị Vân A1, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1946; địa chỉ: Số nhà 39 ngõ 168, phường K, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.5. Chị Trịnh Thanh Th1, sinh năm 1965; địa chỉ: 122 Văn Chương 2, V, quận Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.6. Anh Trịnh Việt H2, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số nhà 39 ngõ 168, phường K, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

3.7. Chị Trịnh Thúy A2, sinh năm 1971; Địa chỉ: 292 Ngõ Chợ Khâm Thiên, Tổ 35, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai, văn bản ý kiến trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H trình bày:

Ông Đỗ Ngọc Ph, sinh năm 1946, mất ngày 28/10/2018 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948, mất ngày 24/4/2006 có 03 người con, gồm: anh Đỗ Ngọc Th, sinh năm 1971; chị Đỗ Thị H, sinh năm 1973 và anh Đỗ Tuấn A, sinh năm 1977. Ông Ph, bà T không có con riêng, không có con nuôi.

Ông Ph, bà T mất không để lại di chúc và văn bản phân chia tài sản. Di sản của ông Ph, bà T để lại là: thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 diện tích là 321m² trong đó đất ở là 290m², đất vườn là 31m² và đất lúa mạ đã được dồn đổi và chỉnh lý năm 2019 gồm 05 thửa, có tổng diện tích là 2257m² trong đó của ông Ph, bà T là 1472m², của anh Tuấn A là 785m² bởi vì thời điểm đó anh Tuấn A chưa lập gia đình nên tiêu chuẩn đất lúa mạ vẫn cùng với ông Ph, bà T, còn anh Th và chị H đã lập gia đình nên có tiêu chuẩn đất lúa mạ riêng, cụ thể gồm: Thửa số 509 tờ bản đồ 14 Mạ Huê Tinh Tây Máng diện tích 65m² (trong đó của ông Ph, bà T là 44m², của anh Tuấn A là 21m²); thửa số 587 tờ bản đồ số 12 Lối Chiều diện tích 677m² (trong đó của ông Ph, bà T là 425m², của anh Tuấn A là 252m²); thửa 681 tờ bản đồ số 14 Mạ Gọng Xiếc diện tích 130m² (trong đó của ông Ph, bà T là 86m², của anh Tuấn A là 44m²); thửa số 728 tờ bản đồ số 11 Mộ Tổ diện tích 955m² (trong đó của ông Ph, bà T là 631m², của anh Tuấn A là 324m²); thửa số 917 tờ bản đồ số 11 Ổ Gà diện tích 430m² (trong đó của ông Ph, bà T là 286m², của anh Tuấn A là 144m²) đều ở thôn A, xã A (nay là thị trấn B), huyện B, tỉnh Hà Nam. Ngoài ra ông Ph, bà T còn để lại tài sản trên đất gồm một căn nhà mái ngói 04 gian khoảng 70m², công trình phụ khép kín. Năm 1997, ông Ph có đồng ý cho anh Th xây nhà và có nói miệng vì anh Th là con trai trưởng nên cho ở phía trước nên năm đó anh Th đã xây một ngôi nhà mái bằng hai tầng trên diện tích khoảng hơn 100m² còn diện tích tiếp theo nhà anh Th, ông Ph có nói cho anh Tuấn A, sau đó là cho chị H tiếp theo sau diện tích của anh Tuấn A. Khi ông Ph còn sống 3 anh em đã họp và phân chia đất, nhà cụ thể như sau: nhà cũ của ông Ph, bà T cùng diện tích sân nhà cho anh Tuấn A, sau là diện tích khoảng 90m² để cho chị H và có chia cho cháu D là con trai anh Th khoảng 02 miếng vườn của các cụ,

anh Th được chia trước và đã xây nhà lên phần đất chia. Sau khi ông Ph chết, anh Th đã đòi ý và đã ép buộc anh Tuấn A và chị H phải để lại diện tích đất và nhà mà ông Ph đã chia cho anh Tuấn A và chị H phải giao lại toàn bộ cho cháu D và anh Th vì anh Th cho rằng anh là con trưởng và cháu D là cháu đích tôn thì mới có quyền quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất. Do đó, từ khi ông Ph chết đến nay, anh Th đã không cho anh Tuấn A và chị H vào nhà. Những lần anh chị về quê, anh Tuấn A vào nhà thì anh Th đuổi và còn đánh nên tất cả những lần giỗ ông Ph, bà T anh Th đều không cho anh chị được vào nhà làm giỗ, khi anh chị về quê cũng không có nhà để ở mà phải đi ăn ở nhờ nhà bà con họ hàng. Trong những năm qua gia đình anh chị cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng đều không thành. Ngoài ra chị H xác định, năm 2004 chị có xây trên thửa đất trên 01 nhà lợp proximăng diện tích khoảng 20m² là vì thời điểm đó ông Ph có làm giấy chuyển nhượng cho chị nhưng do chị không có tiền để trả ông Ph nên không làm thủ tục sang tên chị vì vậy đất mà chị đã xây nhà trên vẫn là đất của ông Ph, bà T.

Anh chị xác định nguồn gốc thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25, ở thôn A, xã A (nay là thị trấn B), huyện B, tỉnh Hà Nam là do ông Ph, bà T vượt lập từ đất ao còn đối với diện tích đất ruộng là do nhà nước cấp theo tiêu chuẩn cho ông Ph, bà T. Sau khi ông Đỗ Ngọc Ph mất thì anh Đỗ Ngọc Th là con trai cả của ông Ph, bà T quản lý, sử dụng thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 và phần đất ruộng ở thôn A, xã A (nay là thị trấn B), huyện B, tỉnh Hà Nam. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 136282 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 22/11/1995 cho hộ ông Đỗ Ngọc Ph tại thôn A, xã A (nay là thị trấn B), huyện B, tỉnh Hà Nam vẫn do UBND thị trấn B, huyện B quản lý vì ông Ph, bà T mất không để lại di chúc và anh em không thống nhất được nên UBND thị trấn chưa giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về công sức chăm sóc, nuôi dưỡng, lo ma chay, thờ cúng bố mẹ: anh chị không có đề nghị gì. Về công sức tôn tạo di sản: chị Hà không có đề nghị gì, anh Tuấn A xác định năm 2011, anh trực tiếp đưa cho anh Th 42 triệu đồng để sửa chữa nhà của ông Ph, bà T nhưng nay anh không có yêu cầu gì.

Nay anh chị đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Ph, bà T gồm: thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 diện tích là 321m² trong đó đất ở là 290m², đất vườn là 31m²; nhà và công trình của ông Ph, bà T và đất lúa mạ đã được dồn đổi và chỉnh lý năm 2019 gồm 05 thửa, có tổng diện tích là 1472m² đều ở thôn A, xã A (nay là thị trấn B), huyện B, tỉnh Hà Nam. Anh chị đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật và đề nghị được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật. Anh chị đề nghị phần thừa kế anh Th được hưởng là toàn bộ diện tích đất mà anh Th đã xây nhà hai tầng khoảng 100m² thì anh chị nhất trí cắt thêm 0,5m mặt tiền giáp mặt đường thôn A kể từ tường nhà anh Th đã xây cắt chạy dài hết thửa đất đồng thời đối với diện

tích đất lúa mạ anh chị nhất trí đề nghị chia cho anh Th được hưởng thửa ruộng số 587 tờ bản đồ 12 Lỗi Chiều có diện tích 677m² và không đề nghị anh Th phải trả giá trị chênh lệch phần tài sản được hưởng. Đồng thời anh chị cũng thống nhất, chị H được hưởng ngoài diện tích khoảng hơn 40m² chị H đã xây một phần lợp fibrôximăng trên phần đất đó và hưởng thêm toàn bộ diện tích đất vườn và một phần đất thổ cư phía đầu nhà ông Ph, còn đất lúa mạ trừ đi phần anh Th hưởng thì còn 795m² chia đôi thì anh chị mỗi người được hưởng là 397,5m² tuy nhiên anh Tuấn A nhất trí chia cho chị H được hưởng thửa số 917 tờ bản đồ số 11 Ổ Gà diện tích 430m² và thửa số 509 tờ bản đồ số 14 Mạ Tây Máng diện tích 65m² (gồm cả tiêu chuẩn của anh Tuấn A). Đối với anh Tuấn A được hưởng nhà và sân của ông Ph và cắt 0,5m đầu hồi phía bể nước chạy ngang theo nhà và sân của ông Ph, còn đất lúa mạ là thửa số 728 tờ bản đồ số 11 Mộ Tổ diện tích 955m² và thửa 681 tờ bản đồ số 14 mạ Gọng Xiếc diện tích 130m² (gồm cả tiêu chuẩn của anh Tuấn A). Anh chị không phải trả giá trị chênh lệch phần tài sản được hưởng cho nhau. Đối với di sản là nhà và các công trình khác của ông Ph, bà T ai được hưởng thì người đó sẽ phải trả chênh lệch giá trị bằng tiền cho người được hưởng thừa kế còn lại theo định giá của Hội đồng định giá.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Ngọc Th không trình bày ý kiến của mình bằng văn bản nên Tòa án đã lấy lời khai của anh Th, tại các biên bản lấy lời khai anh Th có quan điểm: Bố mẹ đẻ của anh là ông Đỗ Ngọc Ph, chết năm 2018 và bà Nguyễn Thị T, chết năm 2006; ông bà sinh được 03 người con gồm: anh Đỗ Ngọc Th, sinh năm 1971, chị Đỗ Thị H, sinh năm 1973 và anh Đỗ Tuấn A, sinh năm 1977. Bố mẹ anh không có con nuôi, con riêng. Khi chết bố mẹ anh là ông Ph, bà T không để lại di chúc và không để lại nghĩa vụ về tài sản. Khi còn sống thì bố mẹ anh ở với nhau, khi bà mất thì ông ở một mình. Di sản thừa kế của bố mẹ anh để lại là thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 diện tích 321m² và tài sản trên đất là nhà cấp 4 được xây dựng từ năm 1994 kèm công trình bể nước, nhà tắm và khoảng 3,7 sào đất ruộng cấy đều ở thôn A, thị trấn B, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Nguồn gốc thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 mang tên ông Đỗ Ngọc Ph là đất ao, do anh vượt lập đã được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện Ủy ban nhân dân thị trấn vẫn quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến năm 2018 thì bố anh là người quản lý, sử dụng thửa đất. Từ khi bố anh mất thì anh là người trông coi, dọn dẹp. Về tiêu chuẩn đất lúa mạ thì anh và chị H có tiêu chuẩn đất lúa mạ riêng. Đối với tiêu chuẩn đất lúa mạ của anh Tuấn A thì do khi đó anh Tuấn A chưa có gia đình và sinh sống tại tỉnh Quảng Ninh nên tiêu chuẩn đất lúa mạ vẫn cùng với bố mẹ anh.

Về tài sản trên thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25: Một phần thửa đất trên thì anh và vợ anh là chị Nguyễn Thị H1 đã xây dựng nhà năm 1996 diện tích khoảng 126m² trị giá bao nhiêu anh không biết, tiếp giáp là sân, anh đã bán lợp tôn trị giá khoảng 40 triệu đồng, tiếp đến là nhà mái ngói của bố anh và tiếp theo là nhà lợp fibrôximăng do chị Đỗ Thị H xây dựng.

Về công sức chăm sóc, nuôi dưỡng, lo ma chay, thờ cúng bố mẹ, anh không có yêu cầu, đề nghị gì. Còn về công sức đóng góp, duy trì bảo quản, tôn tạo di sản thì sau khi bố anh mất, anh đã mở cửa nhà ra đằng trước hết 15 triệu đồng và anh yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này đồng thời anh xác định khi anh tôn tạo, sửa chữa nhà bố mẹ thì anh Tuấn A có gửi cho anh 25 triệu đồng để anh sửa nhà chứ không phải là 42 triệu đồng như anh Tuấn A trình bày.

Ngoài ra anh xác định bố anh là ông Đỗ Ngọc Ph không làm thủ tục thừa kế, tặng cho, chuyển nhượng thửa đất số 38 tờ bản đồ 25 cho anh. Bản đồ hiện trạng năm 2008 có tên anh và ông Trịnh Văn T đối với thửa đất trên là do thời điểm cơ quan đo đạc đến anh chỉ cho họ và anh thực hiện kê khai, còn đối với ông T thì anh không biết.

Quan điểm của anh đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, trường hợp chia di sản thừa kế của bố mẹ anh theo pháp luật thì anh có nguyện vọng được hưởng di sản bằng hiện vật là phần đất mà gia đình anh đã xây dựng nhà ở và công trình phụ và thêm 03m mặt tiếp giáp đường thôn A chạy dài hết thửa đất của ông Ph kể từ tường nhà của anh.

* Chị Nguyễn Thị H1, tại biên bản lấy lời khai có quan điểm: Chị hoàn toàn nhất trí với quan điểm, trình bày của chồng chị là anh Đỗ Ngọc Th, chị không trình bày gì thêm và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

* Chị Đỗ Thị Vân A1, tại biên bản lấy lời khai có quan điểm: Chị không biết gì việc tranh chấp thừa kế tài sản giữa bố chị và anh Đỗ Tuấn A, chị Đỗ Thị H. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

* Anh Đỗ Công D không thể hiện quan điểm.

* Bà Nguyễn Thị Nh, tại văn bản ý kiến có quan điểm: Chồng bà là Trịnh Văn T, sinh năm 1941, mất năm 2016. Vợ chồng bà có 03 người con chung là: Trịnh Thanh Th1, sinh năm 1965; Trịnh Việt H2, sinh năm 1967 và Trịnh Thúy A2, sinh năm 1971. Vợ chồng bà không có con nuôi, con riêng gì. Khi còn sống chồng bà có mua của ông Đỗ Ngọc Ph thửa đất số 34 tờ bản đồ 25 diện tích 150m² đất vườn tại thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Bà đã mang giấy tờ chuyển nhượng nộp cho ông Nguyễn Văn Ph, cán bộ địa chính xã A để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Ph đã làm nhầm. Đến thời điểm này bà được biết tên của chồng bà là ông Trịnh Văn T đang có tên trong thửa đất số 38 còn thửa số 34 thì chưa có tên trên bản đồ số 25. Gia đình bà đã xây nhà trên thửa đất số 34 từ năm 2009.

Đối với thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 tại thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/1995 mang tên ông Đỗ Ngọc Ph thì bản thân bà và các con bà không có liên quan gì. Chồng bà và ông Ph không chuyển nhượng, tặng cho hay làm bất kỳ thủ tục gì đối với thửa đất này. Khi chồng bà mất không để lại giấy tờ hay di chúc có liên quan đến thửa đất số 38 trên của ông Ph. Việc bản đồ hiện trạng năm 2008 có tên chồng bà sử dụng đất ở 200m² thuộc thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 là do cập nhật biên tập bản đồ của cơ quan có thẩm quyền bị nhầm lẫn. Nay anh Tuấn A, chị H có đơn đề nghị chia di sản thừa kế thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 của ông Đỗ Ngọc Ph thì bà và các con bà không có ý kiến gì và không có liên quan gì với thửa đất này. Đồng thời bà yêu cầu anh Th, chị H, anh Tuấn A xác nhận thửa đất số 34 tờ bản đồ số 25 tại thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam là của gia đình bà và hỗ trợ mọi thủ tục giấy tờ để gia đình bà làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay sau khi gia đình bà ký giấy từ chối mảnh đất số 38.

* Chị Trịnh Thanh Th1, anh Trịnh Việt H2 và chị Trịnh Thúy A2, tại văn bản ý kiến có cùng quan điểm: Bố anh chị là ông Trịnh Văn T, sinh năm 1941, mất năm 2016. Khi còn sống ông T có mua của ông Đỗ Ngọc Ph thửa đất số 34 tờ bản đồ số 25 diện tích 150m² đất vườn tại thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam nhưng chưa làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay gia đình anh chị đã xây dựng nhà trên thửa đất này.

Đối với thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 tại thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/1995 mang tên ông Đỗ Ngọc Ph thì bản thân anh chị không có liên quan gì. Bố anh chị và ông Ph không chuyển nhượng, tặng cho hay làm bất kỳ thủ tục gì đối với thửa đất này. Khi bố anh chị mất không để lại giấy tờ hay di chúc có liên quan đến thửa đất số 38 trên của ông Ph. Việc bản đồ hiện trạng năm 2008 có tên bố anh chị sử dụng đất ở 200m² thuộc thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 là do cập nhật biên tập bản đồ của cơ quan có thẩm quyền bị nhầm lẫn. Nay anh Tuấn A, chị H có đơn đề nghị chia di sản thừa kế thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 của ông Đỗ Ngọc Ph thì anh chị không có ý kiến gì và không có liên quan gì với thửa đất này. Đồng thời anh chị yêu cầu anh Th, chị H, anh Tuấn A xác nhận thửa đất số 34 tờ bản đồ số 25 tại thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam là của gia đình anh chị và hỗ trợ mọi thủ tục giấy tờ để gia đình anh chị làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay sau khi gia đình anh chị ký giấy từ chối mảnh đất số 38.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2022, cụ thể:

1. Về đất:

- Hiện trạng thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 với diện tích là 321m² (trong đó đất ở là 290m², đất vườn là 31m²) ở thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 136282 ngày

22/11/1995 mang tên ông Đỗ Ngọc Ph, được thể hiện bằng các mốc giới cụ thể như sau: Phía Bắc giáp hộ ông S, ranh giới chạy theo các điểm từ A1 đến A4, trong đó từ A1 đến A2, ranh giới cách mép tường chuồng trại nhà ông S 20cm, từ A3 đến A4 ranh giới chạy theo mép nhà chị H; phía Đông giáp đường trục thôn A, ranh giới chạy theo các điểm từ A4 đến A9, chạy theo mép đường bám theo công trình đã xây dựng của hộ ông Ph; phía Nam ranh giới chạy theo các điểm từ A9 đến A10 bám theo mặt ngõ, ranh giới là mép công trình nhà anh Th; phía Tây giáp ngõ và hộ bà Đỗ Thị Th trong đó phần giáp ngõ chạy theo các điểm A10 đến A19 ranh giới chạy theo mép tường ngoài, giáp hộ bà Th ranh giới chạy từ điểm A19 đến A1, ranh giới chạy theo mép trong hàng gạch chỉ.

- Hiện trạng đất lúa mạ, tổng diện tích là 2257m² gồm: Thửa số 509 tờ bản đồ 14 Mạ Huê Tinh Tây Máng diện tích 65m², thửa số 587 tờ bản đồ số 12 Lối Chiều diện tích 677m², thửa 681 tờ bản đồ số 14 Mạ Gọng Xiếc diện tích 130m², thửa số 728 tờ bản đồ số 11 Mộ Tổ diện tích 955m², thửa số 917 tờ bản đồ số 11 Ổ Gà diện tích 430m².

2. Về tài sản, vật kiến trúc trên đất:

* Đối với phần vật kiến trúc, tài sản trên đất thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 gồm:

a. Phần tài sản của chị Đỗ Thị H xây dựng: 01 nhà bán mái lợp fibrôximăng, tường xây gạch chỉ 110, đòn tay luồng, nền lát gạch hoa, cửa xếp sắt diện tích 19,5m².

b. Phần tài sản ông Đỗ Ngọc Ph:

- Nhà ở: tường xây gạch chỉ 220, mái lợp ngói đỏ, đòn tay luồng, trần nhựa kết hợp với trần vôi rơm, nền lát gạch hoa, cửa gỗ, diện tích 67,2m².

- Bể nước: Tường 110, đáy, nắp đổ bê tông cốt thép, kích thước 1,75 x 1,2.

- Nhà tắm: Tường 110, đổ mái bằng diện tích 2,88m².

c. Phần tài sản anh Đỗ Ngọc Th:

- Bán mái, lợp tôn, vôi kèo, xà gồ thép, tường xây 110 (xây dựng năm 2014) diện tích 50,6m².

- Bể nước ngầm 1: Tường xây 110, kích thước 1,3 x 2,2 đáy, nắp đổ bê tông.

- Bể nước ngầm 2: Tường xây 110, kích thước 2,8 x 1,25 đáy, nắp đổ bê tông.

- Nhà mái bằng 02 tầng:

+ Tầng 1: Tường xây gạch chỉ 220, cửa gỗ, điện chìm, nền lát gạch hoa, tường lãn sơn, có khu phụ trong nhà, xây dựng năm 1996, diện tích 52,35m².

+ Tầng 2: Tường xây gạch chỉ 220, cửa gỗ, điện chìm, nền lát gạch hoa, mái lợp tôn, trần nhựa, tường lãn sơn, có khu phụ trong nhà, xây dựng năm 2012, diện tích 47,85m².

+ Bán mái lợp tôn, không tường, xà gồ, vỉ kèo thép xây dựng năm 2022, diện tích 8,75m².

+ Bán mái lợp tôn, tường xây gạch chỉ 110, nền lát gạch hoa, xây dựng năm 2008, diện tích 40,5m².

+ Sân bê tông: 7,91m².

* Đối với phần tài sản trên đất lúa mạ: Trên diện tích đất ruộng vừa gặt xong, hiện không có lúa, mạ.

3. Phần cây cối hoa màu trên thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25: 01 giàn mướp, 01 cây na, 01 cây bưởi con, 01 cây mít 01 năm chưa ra quả, 01 cây chanh 01 kg quả, vườn rau tạp (cỏ, đay, muống) 01 cây xanh, 01 cây bàng.

Biên bản định giá tài sản ngày 27/6/2022 và Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 14/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh Hà Nam, cụ thể:

1. Giá trị đất của các thửa đất mang tên ông Đỗ Ngọc Ph là: 265.252.000 đồng, cụ thể:

- Đất ở: 290m² x 440.000đ = 127.600.000đ.

- Đất trồng cây lâu năm: 31m² x 72.000đ = 2.232.000đ.

- Đất lúa: 2.257m² x 60.000đ = 135.420.000đ.

2. Giá trị tài sản, vật kiến trúc trên thửa đất số 38, tờ bản đồ 25, diện tích là 321m², trong đó đất ở là 290m², đất vườn là 31m², địa chỉ: thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam là: 535.753.000đ, cụ thể:

- Tài sản gia đình anh Đỗ Ngọc Th xây dựng 381.812.590đ (làm tròn: 381.813.000đ).

- Tài sản gia đình chị Đỗ Thị H xây dựng: 22.071.793đ (làm tròn 22.072.000đ).

- Tài sản gia đình ông Đỗ Ngọc Ph xây dựng: 131.868.461đ (làm tròn: 131.868.000đ).

3. Giá trị tài sản, cây cối trên thửa đất số 38, tờ bản đồ 25, diện tích là 321m², trong đó đất ở là 290m², đất vườn là 31m² và diện tích đất lúa mạ đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ 832 ngày 20/3/2003 mang tên ông Đỗ Ngọc Ph: Hội đồng không định giá (các đương sự đề nghị không định giá).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh Đỗ Ngọc Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Công D đều vắng mặt không có lý do và không có thiện chí hợp tác trong việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, anh Trịnh Việt H2 giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam có quan điểm: Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn anh Đỗ Tuấn A, chị Đỗ Thị H đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Đỗ Ngọc Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Công D vắng mặt tại các phiên toà không có lý do nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 68, 147, 156, 157, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 99, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Tuấn A, chị Đỗ Thị H về chia di sản thừa kế của ông Đỗ Ngọc Ph, bà Nguyễn Thị T theo pháp luật.

* Về phân chia di sản thừa kế theo pháp luật như sau:

- Về công sức chăm sóc, nuôi dưỡng, lo ma chay, thờ cúng bố mẹ, anh Th, chị H, anh Tuấn A không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đặt ra xem xét.

- Về công sức đóng góp, duy trì bảo quản, tôn tạo di sản, chị H, anh Tuấn A không yêu cầu giải quyết. Đối với anh Th yêu cầu giải quyết số tiền 15 triệu đồng (sau khi ông Ph chết, anh đã làm cửa nhà của ông Ph). Anh Tuấn A đưa cho anh Th 42 triệu đồng, anh Th xác định nhận số tiền 25 triệu đồng, ngoài ra không có tài liệu nào khác để chứng minh số tiền cụ thể anh Tuấn A và anh Th đã đưa, nhận tiền với nhau, nay anh Tuấn A không có yêu cầu gì. Mặt khác đề nghị trên của anh Th sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy không được xem xét chấp nhận.

* Về yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và thanh toán kỷ phần thừa kế:

- Đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ 25, diện tích 321m². Trong đó: đất ở 290m², đất vườn 31m² được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất có 03 người gồm anh Đỗ Ngọc Th, chị Đỗ Thị H, anh Đỗ Tuấn A, mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng đất ở 96,7m², trị giá là 42.548.000 đồng; đất vườn 10,3m², trị giá 741.600 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tuấn A và chị H như sau:

+ Chia cho anh Đỗ Ngọc Th được quyền sử dụng phần diện tích đất ở, trên đất có nhà ở mái bằng 02 tầng và công trình khác do vợ, chồng anh Th xây dựng và cắt thêm 0,5m chiều rộng giáp mặt đường thôn A, kể từ tường nhà ở mái bằng 02 tầng, chiều dài hết thửa đất, tổng diện tích đất ở 115m², trị giá 50.600.000 đồng.

+ Chia cho anh Đỗ Tuấn A được quyền sử dụng phần diện tích đất ở cùng nhà và công trình khác do ông Ph, bà T xây dựng và cắt thêm 0,5m chiều rộng thửa đất được chia, kể từ tường hồi nhà ông Ph, bà T, tổng diện tích đất ở 115m², trị giá 50.600.000 đồng.

+ Chia cho chị Đỗ Thị H được quyền sử dụng phần diện tích đất ở còn lại, trên đất có nhà bán mái lợp fibrôximăng do chị H xây dựng và toàn bộ diện tích đất vườn, tổng diện tích đất ở 60m², trị giá 26.400.000 đồng, đất vườn là 31m², trị giá 2.232.000 đồng, cộng trị giá 28.632.000 đồng.

+ Anh Đỗ Tuấn A, chị Đỗ Thị H không yêu cầu anh Đỗ Ngọc Th phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh Tuấn A, chị H.

- Đối với diện tích đất lúa là 1472m² chia cho 03 kỳ phần thì mỗi kỳ phần thừa kế được hưởng 490,6m² trị giá 29.436.000 đồng. Chấp nhận sự thống nhất, tự nguyện của anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H, cụ thể:

+ Chia cho anh Đỗ Ngọc Th được quyền sử dụng diện tích đất lúa tại thửa đất số 587 tờ bản đồ 12 Xứ đồng Lôi Chiều, diện tích 677m² trị giá 40.620.000 đồng.

Diện tích đất lúa trừ đi phần chia cho anh Th thì còn 795m² chia đôi thì chị H, anh Tuấn A mỗi người được hưởng là 397,5m² trị giá 23.850.000 đồng.

+ Chia cho chị Đỗ Thị H được quyền sử dụng diện tích đất lúa tại thửa đất số 917 tờ bản đồ 11 Xứ đồng Ô Gà, diện tích 430m² và thửa đất số 509 tờ bản đồ 14 Xứ đồng Mạ Huê Tinh Tây Máng, diện tích 65m².

+ Chia cho anh Đỗ Tuấn A được quyền sử dụng diện tích đất lúa tại thửa đất số 728 tờ bản đồ số 11 Xứ đồng Mộ Tổ, diện tích 955m² và thửa 681 tờ bản đồ 14 Xứ đồng Mạ Gọng Xiếc, diện tích 130m².

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H về việc không đề nghị anh Th phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh Tuấn A và chị H.

- Chia sản thừa kế là nhà ở diện tích 67,2m², trị giá 126.636.935 đồng, mỗi kỳ phần thừa kế anh Đỗ Ngọc Th, chị Đỗ Thị H, anh Đỗ Tuấn A được hưởng 42.212.000 đồng. Anh Tuấn A do được chia đất có phần nhà nên anh Tuấn A phải thanh toán giá trị kỳ phần thừa kế cho anh Th, chị H mỗi người là 42.212.000 đồng. Đối với phần bể nước và nhà tắm do phải tháo dỡ nên không tính để chia cho các đồng thừa kế.

- Đối với diện tích đo đạc hiện trạng thửa đất số 38, tờ bản đồ số 25 là 343m² so với diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ thừa ra 22m² cần giao cho UBND thị trấn B, huyện B quản lý.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tuấn A, chị H chịu toàn bộ và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí chia tài sản: Mỗi đồng thừa kế anh Tuấn A, chị H, anh Th phải nộp khoản tiền tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Tuấn A chịu án phí phần còn lại của chị Đỗ Thị H và chịu toàn bộ án phí phần của anh Đỗ Ngọc Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế của bố, mẹ là ông Ph, bà T để lại là nhà và quyền sử dụng đất tại thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam, đây là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời bị đơn là anh Đỗ Ngọc Th có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, chết năm 2006, ông Đỗ Ngọc Ph chết năm 2018, không để lại di chúc; ngày 01/3/2022 anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Ngọc Ph theo quy định của pháp luật tại Tòa án. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế di sản của ông Ph, bà T vẫn còn.

[1.3] Về việc vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Nguyễn Thị H1, chị Đỗ Thị Vân A1, bà Nguyễn Thị Nh, chị Trịnh Thanh Th1 và chị Trịnh Thúy A2 có đơn hoặc thể hiện quan điểm xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Đỗ Ngọc Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Công D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn: Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn xuất trình sơ đồ đất lập ngày 16/10/2018 thể hiện anh Th, chị H và anh Tuấn A đã thống nhất phân chia đất của ông Ph theo sơ đồ; quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Th xuất trình bản phô tô giấy xác nhận ngày 01/5/2019 thể hiện anh Th, chị H và anh Tuấn A thống nhất phân chia phần đất của ông Ph. Nhưng anh Th, chị H và anh Tuấn A đều không thực hiện, không thừa nhận sự thống nhất thỏa thuận đó và đều xác định ông Ph, bà T chết không để lại di chúc. Vì vậy di sản của hai ông bà được tính để chia theo pháp luật.

[2.2] Xác định di sản thừa kế:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 136282 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 22/11/1995 cho ông Đỗ Ngọc Ph được quyền sử dụng 4.157m² đất tại thôn A, xã A (nay là thị trấn B), huyện B, tỉnh Hà Nam, cụ thể gồm:

- 16 thửa đất lúa mạ, đã dồn đổi còn 05 thửa với diện tích 2.257m² và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/3/2003 và được chỉnh lý năm 2019. Tại biên bản làm việc ngày 27/4/2022 đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn B và Trưởng thôn A, thị trấn B cung cấp: đối với diện tích 2.257m² là tiêu chuẩn đất lúa mạ của ông Ph, bà T và anh Tuấn A; chia ra mỗi một xuất được chia diện tích mạ là 65m² còn diện tích ruộng cánh Lỗi Chiều là 252m², Mộ Tổ 324m² và Ổ Gà là 144m². Như vậy tổng diện tích của anh Tuấn A là 785m² còn của ông Ph, bà T là 1472m². Cụ thể gồm: Thửa số 509 tờ bản đồ 14 Mạ Huê Tinh Tây Máng diện tích 65m² (trong đó của ông Ph, bà T là 44m², của anh Tuấn A là 21m²); thửa số 587 tờ bản đồ số 12 Lỗi Chiều diện tích 677m² (trong đó của ông Ph, bà T là 425m², của anh Tuấn A là 252m²); thửa 681 tờ bản đồ số 14 Mạ Gọng Xiếc diện tích 130m² (trong đó của ông Ph, bà T là 86m², của anh Tuấn A là 44m²); thửa số 728 tờ bản đồ số 11 Mộ Tổ diện tích 955m² (trong đó của ông Ph, bà T là 631m², của anh Tuấn A là 324m²); thửa số 917 tờ bản đồ số 11 Ổ Gà diện tích 430m² (trong đó của ông Ph, bà T là 286m², của anh Tuấn A là 144m²).

- Đối với các thửa đất số 23 tờ bản đồ 25 diện tích 60m² đất vườn; thửa đất số 55 tờ bản đồ 25 diện tích 137m² đất ao và thửa số 34 tờ bản đồ 25 diện tích 150m² đất vườn, nguyên đơn anh Tuấn A và chị H xác định khi còn sống thì ông Ph đã bán. Đối với thửa đất số 38 tờ bản đồ 25 diện tích là 321m² trong đó đất ở là 290m², đất vườn là 31m² quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B và các đương sự đều xác định thửa đất này là di sản thừa kế của ông Ph, bà T, chưa bị chuyển nhượng, chuyển đổi, thừa kế, tặng cho hay thế chấp.

Đối với bản đồ hiện trạng năm 2008 thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 mang tên anh Đỗ Ngọc Th và ông Trịnh Văn T là do anh Th tự kê khai nên có tên anh Th, còn mang tên ông T thì bà Nh (vợ ông T), chị Th1, anh H2 và chị Thúy A2 (các con ông T) đều xác định là do cập nhật biên tập bản đồ của cơ quan có thẩm quyền bị nhầm lẫn.

Như vậy di sản thừa kế của Ph, bà T để lại gồm:

- Thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 diện tích là 321m² trong đó đất ở là 290m², đất vườn là 31m² tại thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 mang tên ông Đỗ Ngọc Ph, có giá trị là 129.832.000 đồng (đất ở là 290m² x 440.000 đồng = 127.600.000 đồng; đất trồng cây lâu năm: 31m² x 72.000 đồng = 2.232.000 đồng).

- Đất lúa 05 thửa đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 mang tên hộ ông Đỗ Ngọc Ph và được chỉnh lý năm 2019 với diện tích là 1472m² ở thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam, cụ thể gồm: Thửa số 509 tờ bản đồ 14 Mạ Huê Tinh Tây Máng diện tích là 44m², thửa số 587 tờ bản đồ số 12 Lôi Chiều diện tích là 425m², thửa 681 tờ bản đồ số 14 Mạ Gọng Xiếc diện tích là 86m², thửa số 728 tờ bản đồ số 11 Mộ Tổ diện tích là 631m², thửa số 917 tờ bản đồ số 11 Ổ Gà diện tích là 286m²; có giá trị là: 1472m² x 60.000 đồng = 88.320.000 đồng.

- Các công trình là tài sản của ông Ph, bà T xây dựng gồm: nhà ở diện tích 67,2 m², trị giá 126.636.935 đồng; 01 bể nước, trị giá 2.705.190 đồng; 01 nhà tắm, trị giá 2.526.336 đồng. Tổng trị giá là 131.868.461 đồng.

[2.3] Xác định hàng thừa kế: Ông Đỗ Ngọc Ph và bà Nguyễn Thị T có 03 người con là: Anh Đỗ Ngọc Th, chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Tuấn A. Ông Ph, bà T không có con nuôi, con riêng. Vì vậy xác định hàng thừa kế thứ nhất đối với di sản của ông Ph, bà T gồm anh Đỗ Ngọc Th, chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Tuấn A.

[2.4] Về công sức chăm sóc, nuôi dưỡng, lo ma chay, thờ cúng bố mẹ, anh Th, chị H và anh Tuấn A không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đặt ra xem xét. Đối với công sức đóng góp, duy trì bảo quản, tôn tạo di sản, chị H và anh Tuấn A không có yêu cầu, đề nghị gì; còn anh Th trong thời hạn chuẩn bị xét xử, anh không đề nghị, tuy nhiên sau đó anh cho rằng sau khi bố anh mất, anh đã mở cửa nhà của ông Ph ra đăng trước hết 15 triệu đồng và anh yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này, anh Tuấn A cho rằng khi anh Th tu sửa nhà ông Ph thì anh có đưa trực tiếp 42 triệu đồng cho anh Th nhưng anh Th xác định anh Tuấn A có gửi cho anh 25 triệu đồng để anh sửa nhà chứ không phải là 42 triệu đồng và anh Th, anh Tuấn A đều không đưa ra căn cứ chứng minh cụ thể, đồng thời anh Th thừa nhận anh Tuấn A đã đưa cho anh 25 triệu đồng để sửa chữa nhà ông Ph, nay anh Tuấn A không có yêu cầu gì. Mặt khác đề nghị trên của anh Th, sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét chấp nhận.

[2.5] Về yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và thanh toán kỹ phần thừa kế:

* Đối với thửa đất số 38 tờ bản đồ 25 diện tích là 321m² trong đó đất ở là 290 m², đất vườn là 31m², căn cứ hình thể, diện tích, chiều dài và chiều rộng thửa đất đảm bảo chia bằng hiện vật cho tất cả các đồng thừa kế được, gồm 03 kỹ phần và mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng đất ở 96,7m² trị giá 42.548.000 đồng, đất vườn 10,3m² trị giá 741.600 đồng. Đồng thời để đảm bảo nguyện vọng của các đồng thừa kế và sự ổn định của các công trình xây dựng trên đất nên chấp nhận đề nghị của anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H, cụ thể:

- Chia cho anh Đỗ Ngọc Th được quyền sử dụng phần diện tích đất ở, trên đất có nhà ở mái bằng 02 tầng và công trình khác do vợ chồng anh Th xây dựng

và cắt thêm 0,5m chiều rộng giáp mặt đường thôn A kể từ tường nhà ở mái bằng 02 tầng, chiều dài hết thửa đất. Tổng diện tích đất ở là 115m² trị giá 50.600.000 đồng.

- Chia cho anh Đỗ Tuấn A được quyền sử dụng phần diện tích đất ở, cùng nhà ở và công trình khác do ông Ph, bà T xây dựng và cắt thêm 0,5m chiều rộng thửa đất được chia, kể từ tường hồi nhà ông Ph, bà T. Tổng diện tích đất ở là 115m² trị giá 50.600.000 đồng.

- Chia cho chị Đỗ Thị H được quyền sử dụng phần diện tích đất ở còn lại, trên đất có nhà bán mái lợp fibrôximăng do chị H xây dựng và toàn bộ diện tích đất vườn. Tổng diện tích đất ở là 60m² trị giá 26.400.000 đồng, đất vườn là 31m² trị giá 2.232.000 đồng, cộng trị giá 28.632.000 đồng.

(Về tứ cận mốc giới thửa đất được chia có sơ đồ kèm theo Bản án).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị H về việc không đề nghị anh Th, anh Tuấn Anh phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản được hưởng cho chị.

Buộc anh Đỗ Ngọc Th tháo dỡ toàn bộ các công trình gồm nhà bán mái lợp tôn, các bể nước ngầm ở phần sân, vườn của ông Ph, bà T và các công trình khác do anh Th xây dựng để trả diện tích đất cho anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H được chia.

Chấp nhận sự thống nhất, tự nguyện của anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H; giao anh Tuấn A và chị H cùng tháo dỡ bể nước và nhà tắm của ông Ph, bà T để sử dụng diện tích đất mà anh chị được chia.

* Đối với diện tích đất lúa là 1472m² chia cho 03 kỳ phần thì mỗi kỳ phần thừa kế được hưởng 490,6m² trị giá 29.436.000 đồng. Để tránh việc chia đất lúa sử dụng manh mún và đảm bảo được nguyện vọng của các đồng thừa kế nên chấp nhận sự thống nhất, tự nguyện của anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H, cụ thể:

- Chia cho anh Đỗ Ngọc Th được quyền sử dụng diện tích đất lúa tại thửa đất số 587 tờ bản đồ 12 Xứ đồng Lôi Chiều, diện tích 677m² trị giá 40.620.000 đồng.

Diện tích đất lúa trừ đi phần chia cho anh Th thì còn 795 m² chia đôi thì chị H, anh Tuấn A mỗi người được hưởng là 397,5m² trị giá 23.850.000 đồng.

- Chia cho chị Đỗ Thị H được quyền sử dụng diện tích đất lúa tại thửa đất số 917 tờ bản đồ 11 Xứ đồng Ổ Gà, diện tích 430m² và thửa đất số 509 tờ bản đồ 14 Xứ đồng Mạ Huê Tinh Tây Máng, diện tích 65m².

- Chia cho anh Đỗ Tuấn A được quyền sử dụng diện tích đất lúa tại thửa đất số 728 tờ bản đồ số 11 Xứ đồng Mộ Tổ, diện tích 955m² và thửa 681 tờ bản đồ 14 Xứ đồng Mạ Gọng Xiếc, diện tích 130m².

Có trích lục địa chính thửa đất kèm theo Bản án.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H về việc không đề nghị anh Th phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh Tuấn A và chị H.

* Đối với di sản thừa kế là công trình gồm: Phần nhà ở diện tích 67,2m², trị giá 126.636.935 đồng, mỗi kỳ phần thừa kế được hưởng là 42.212.311,7 đồng (làm tròn 42.212.000 đồng) do chia đất có phần nhà ở cho anh Đỗ Tuấn A nên anh Tuấn A phải thanh toán giá trị kỳ phần thừa kế cho anh Th, chị H, mỗi người là 42.212.000 đồng. Đối với phần bể nước và nhà tắm do phải tháo dỡ nên không tính để chia.

Đối với diện tích đo đạc hiện trạng thửa đất số 38 tờ bản đồ số 25 là 343m² so với diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa ra 22m² cần giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam quản lý.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 10.362.000 đồng, nguyên đơn là anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H đã nộp và được quyết toán xong. Do nguyên đơn nhất trí chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do anh Đỗ Tuấn A, chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Ngọc Th được chia di sản thừa kế nên mỗi người phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị tài sản thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Anh Đỗ Ngọc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 133.432.000đồng x 5% = 6.671.600 đồng làm tròn 6.671.000 đồng.

- Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 94.694.000đồng x 5% = 4.734.700 đồng làm tròn 4.734.000 đồng.

- Anh Đỗ Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 116.662.000đồng x 5% = 5.833.100 đồng làm tròn 5.833.000 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Tuấn A chịu án phí phần còn lại của chị Đỗ Thị H và chịu toàn bộ án phí phần của anh Đỗ Ngọc Th. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh Tuấn A, chị H đã nộp là 6.771.000 đồng, anh Tuấn A còn phải nộp 10.467.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 156, 157, 164, 165, 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 99, 166, 188 Luật đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H chia di sản của ông Đỗ Ngọc Ph và bà Nguyễn Thị T thừa kế theo pháp luật.

1.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Ngọc Ph và bà Nguyễn Thị T gồm: Anh Đỗ Ngọc Th, chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Tuấn A.

1.2. Xác định di sản thừa kế của ông Đỗ Ngọc Ph và bà Nguyễn Thị T là diện tích đất 321m² (trong đó đất ở là 290m², đất vườn là 31m²) cùng tài sản gắn liền với đất là nhà ở của ông Ph, bà T diện tích 67,2m² tại thửa đất số 38 tờ bản đồ 25 và 1.472m² đất lúa nằm trong tổng diện tích 2.257m² đất bao gồm cả tiêu chuẩn đất lúa của anh Đỗ Tuấn A tại các thửa đất số 587 tờ bản đồ 12; thửa số 917, 728 tờ bản đồ 11; thửa số 509, 681 tờ bản đồ 14 tại thôn A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Xác định tổng giá trị di sản thừa kế của ông Đỗ Ngọc Ph và bà Nguyễn Thị T là 344.788.935 đồng (gồm có 129.832.000 đồng là giá trị thửa đất số 38 tờ bản đồ 25, 88.320.000 đồng là giá trị đất lúa, 126.636.935 đồng là giá trị nhà ở của ông Ph, bà T).

- Không xem xét chấp nhận đề nghị của anh Đỗ Ngọc Th về giải quyết số tiền 15.000.000 đồng chi phí tu sửa di sản.

1.3. Chia di sản và thanh toán kỹ phần thừa kế, cụ thể như sau:

* Đối với thửa đất số 38 tờ bản đồ 25 diện tích là 321m² trong đó đất ở là 290m², đất vườn là 31m²:

- Chia cho anh Đỗ Ngọc Th sử dụng diện tích đất ở là 115m² trị giá 50.600.000 đồng, trên đất có nhà ở mái bằng 02 tầng và công trình khác do vợ chồng anh Th xây dựng.

- Chia cho anh Đỗ Tuấn A sử dụng diện tích đất ở là 115m² trị giá 50.600.000 đồng, trên đất có nhà ở và công trình khác do ông Ph, bà T xây dựng.

- Chia cho chị Đỗ Thị H sử dụng đất ở là 60m² trị giá 26.400.000 đồng, đất vườn là 31m² trị giá 2.232.000 đồng, cộng trị giá 28.632.000 đồng; trên đất ở có nhà bán mái lợp fibrôximăng do chị H xây dựng.

Về tư cận mốc giới thửa đất được chia có sơ đồ kèm theo Bản án.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị H về việc không đề nghị anh Th, anh Tuấn A phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản được hưởng cho chị.

Buộc anh Đỗ Ngọc Th tháo dỡ toàn bộ các công trình gồm nhà bán mái lợp tôn, các bể nước ngầm ở phần sân, vườn của ông Ph, bà T và các công trình khác do anh Th xây dựng để trả diện tích đất cho anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H được chia.

Chấp nhận sự thống nhất, tự nguyện của anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H; giao anh Tuấn A và chị H cùng tháo dỡ bể nước và nhà tắm của ông Ph, bà T để sử dụng diện tích đất mà anh chị được chia.

* Đối với diện tích đất lúa là 1472m², ghi nhận sự thống nhất, tự nguyện của anh Đỗ Tuấn A và chị Đỗ Thị H, cụ thể:

- Chia cho anh Đỗ Ngọc Th được quyền sử dụng đất lúa tại thửa đất số 587 tờ bản đồ 12 Xứ đồng Lỗi Chiều, diện tích 677m².

Anh Đỗ Tuấn A, chị Đỗ Thị H không yêu cầu anh Đỗ Ngọc Th phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh Tuấn A và chị H.

- Chia cho chị Đỗ Thị H được quyền sử dụng 495m² đất lúa (trong đó phần thừa kế là 397,5m² và đất tiêu chuẩn của anh Đỗ Tuấn A) gồm: 430m² tại thửa đất số 917 tờ bản đồ 11 Xứ đồng Ổ Gà và 65m² tại thửa đất số 509 tờ bản đồ 14 Xứ đồng Mạ Huê Tinh Tây Máng.

- Chia cho anh Đỗ Tuấn A được quyền sử dụng 1.085m² đất lúa (trong đó phần thừa kế là 397,5m² và đất tiêu chuẩn của anh Tuấn A) gồm: 955m² tại thửa đất số 728 tờ bản đồ số 11 Xứ đồng Mộ Tổ và 130m² tại thửa 681 tờ bản đồ 14 Xứ đồng Mạ Gọng Xiếc.

Có trích lục địa chính thửa đất kèm theo Bản án.

* Đối với di sản thừa kế là nhà ở diện tích 67,2m², trị giá 126.636.935 đồng, mỗi kỳ phần thừa kế được hưởng là 42.212.311,7đ (làm tròn 42.212.000 đồng). Buộc anh Đỗ Tuấn A phải thanh toán giá trị kỳ phần thừa kế cho anh Đỗ Ngọc Th, chị Đỗ Thị H; mỗi người là 42.212.000 đồng.

2. Giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam quản lý 22m² đất là diện tích thừa tại thửa đất số 38 tờ bản đồ 25 (có sơ đồ kèm theo Bản án).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Tuấn A chịu án phí phần còn lại của chị Đỗ Thị H và chịu toàn bộ án phí phần của anh Đỗ Ngọc Th. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh Tuấn A, chị H đã nộp là 6.771.000 đồng theo Biên lai số AA/2021/0000456 ngày 18/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam; anh Đỗ Tuấn A còn phải nộp là 10.467.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng